

Số: 2854 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất; giá đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tại một số dự án trên địa bàn huyện Đồng Hỷ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của UBND tỉnh Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Bảng giá đất giai đoạn 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định giá đất và thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 538/TTr-STNMT ngày 18/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất; giá đất để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng tại một số dự án trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, cụ thể như sau:

(Có Phụ lục I, II, III kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Mức giá đất trên là căn cứ để UBND huyện Đồng Hỷ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng tại một số dự án trên địa bàn huyện Đồng Hỷ theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian thực hiện mức giá trên đến hết ngày 30/6/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*pt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KT.

Trình họ/QĐ.T9/106

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nhữ Văn Tâm



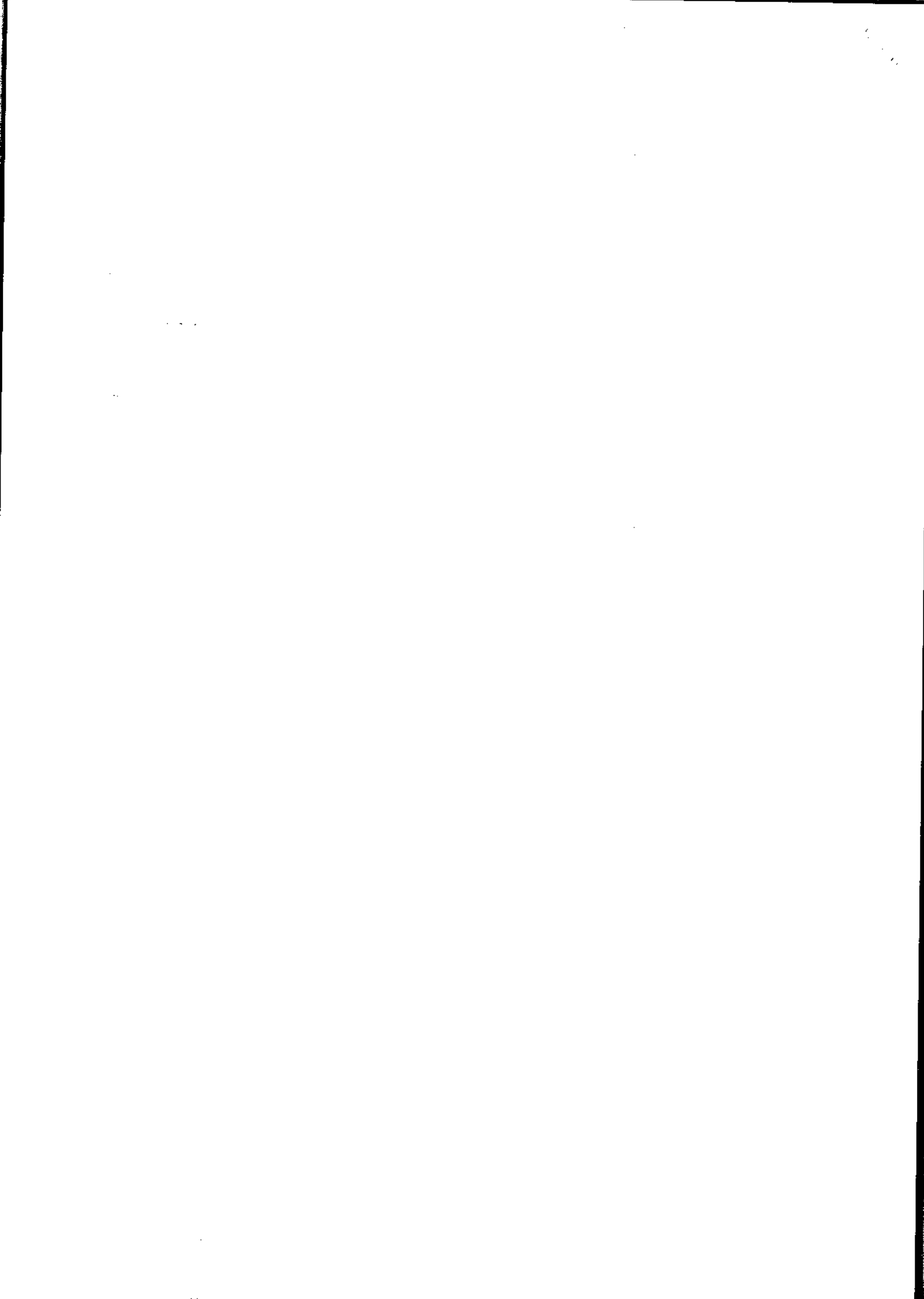
Phụ lục I

**LIỆT KÊ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI
KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỒNG HỠ**

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Ô quy hoạch số	Mức giá (đồng/m ²)	Vị trí	Ghi chú
Khu tái định cư Dự án Tầng sâu Núi quặng, thuộc tổ 15, thị trấn Trại Cau				
	73B	600.000	Đường trong khu quy hoạch	Giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Thành, xóm Hoà Bình, xã Cây Thị thuộc Dự án Khai thác Mỏ sắt Chôm Vung Tây

165



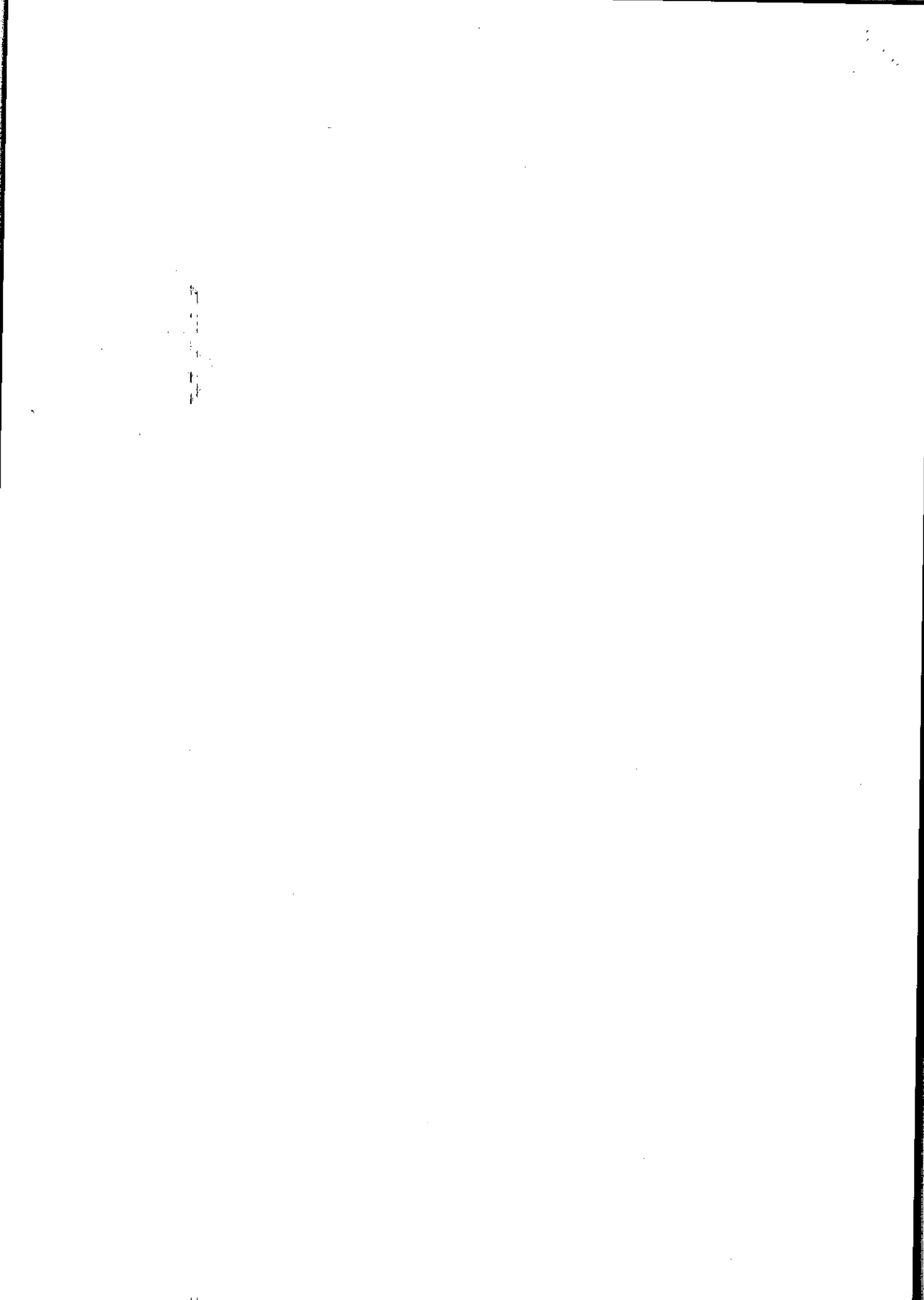
Phụ lục II

GIẤY ĐẤT SẴN DAN TỈNH THÁI NGUYÊN TÀI ĐỊNH CƯ TẠI MỘT SỐ KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÔNG HỠ



Số hồ sơ: 8874/QĐ-UBND ngày 28/10/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Ô quy hoạch số	Thửa đất số	Tờ bản đồ địa chính	Mức giá (đồng/m ²)	Vị trí	Ghi chú
I Khu tái định cư số 3, xã Linh Sơn, huyện Đông HỠ						
	1			135.000	Trục đường DT 269, đoạn cách UBND xã Linh Sơn 100m đến Cầu Ngòi Chèo	Trả nợ đất tái định cư cho hộ ông Mai Văn Thế thuộc Dự án Mô sắt Tiên Bộ thu hồi đất năm 2008
II Tái định cư Dự án Nhà làm việc một cửa UBND xã Hoà Bình, huyện Đông HỠ						
		260	38	800.000	Thuộc trục công chợ Hoà Bình + 200m về 3 phía	
III Dự án Xây dựng Khu tái định cư Dự án Tầng sâu Núi quặng thuộc tổ 15, thị trấn Trại Cau						
1	51			300.000	Đường trong khu quy hoạch	Trả nợ đất tái định cư cho hộ ông Lương Quang Vinh thu hồi đất năm 2012 để thực hiện Dự án Xây dựng Khu tái định cư Dự án Tầng sâu Núi quặng tại tổ 15, thị trấn Trại Cau
2	50A			400.000	Đường trong khu quy hoạch	Trả nợ đất tái định cư cho hộ ông Phạm Hùng Anh thuộc Dự án Mở rộng khai thác mỏ sắt tầng sâu Núi quặng tại tổ 15, thị trấn Trại Cau của Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên - Mô sắt Trại Cau

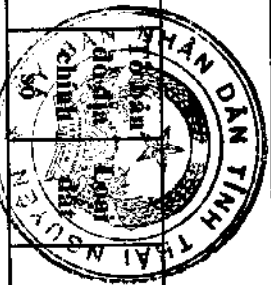


Phụ lục III
GIẤY ĐẤT ĐẸ TỈNH THAI NGUYÊN BỒI HỖN CÔNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG MỘT SỐ DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỒNG HỖ
 Căn cứ Giấy quyết định số: 2887/QĐ-UBND ngày 28/10/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



STT	Thửa đất số	Thửa đất số chính	Loại đất	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Ghi chú
I Dự án Khu dân cư Cầu Đất, xã Nam Hoà, huyện Đồng Hỷ						
-		13	HNK		49.000	Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở
-		13	CLN		46.000	Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở
-		13	LUA		58.000	Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở
II Dự án: Nhà làm việc một cửa UBND xã Hoà Bình, xã Hoà Bình, huyện Đồng Hỷ						
-	212	37	ONT	Thuộc trục cách công chợ Hoà Bình 200m đến giáp cầu phố Hích	450.000	
III Dự án: Khai thác Mỏ sét Khe Mo, tại xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ						
1 Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở; thuộc địa giới hành chính thị trấn Sông Cầu						
-			RSX		16.000	
-			CLN		50.000	
-			NTS		45.000	
-			HNK		53.000	
2 Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở; thuộc địa giới hành chính xã Khe Mo						
-			RSX		13.000	
-			CLN		46.000	
-			NTS		41.000	
-			HNK		49.000	

STT	Thửa đất số	Tờ bản đồ địa chính số	Loại đất	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Ghi chú
IV	Dự án: Khu dân cư tổ 4 thị trấn Trại Cau, huyện Đông Hồ					
1	Đất ở và đất vườn cùng thửa đất ở					
-	468	8	ODT	Thuộc nhánh của trục các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m, đoạn từ cầu Thác Lạc đến điểm đầu đường đô thị Trại Cau (đường bê tông, nhựa mặt đường >= 2,5m)	650.000	
			CLN	Vị trí I	300.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
-	442, 483, 441	8	ODT	Thuộc trục các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m, đoạn từ cầu Thác Lạc đến điểm đầu đường đô thị Trại Cau (đường bê tông, nhựa mặt đường >= 2,5m)	700.000	
			CLN	Vị trí I	325.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
-	4, 30, 39, 44, 59	16	ODT	Thuộc trục các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m, đoạn từ cầu Thác Lạc đến điểm đầu đường đô thị Trại Cau (đường bê tông, nhựa mặt đường >= 2,5m)	700.000	
			CLN	Vị trí I	325.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
-	36, 66, 78, 57, 55	16	ODT	Đoạn tiếp theo của trục các tuyến đường rẽ từ đường 269 vào 200m, đoạn từ cầu Thác Lạc đến điểm đầu đường đô thị Trại Cau (đường bê tông, nhựa mặt đường >= 2,5m)	700.000	
			CLN	Vị trí I	325.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
2	Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở					
-			LUA		62.000	
-			HNK		53.000	
-			CLN		50.000	
-			RSX		16.000	



STT	Thửa đất số	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)	Ghi chú
V	Dự án: CQT đường dây 376 Trạm cắt Cao Ngan cấp điện cho khu vực Huyện Kim Den - huyện Đồng Hỷ và dự án CQT đường dây 371 Trạm cắt Cao Ngan cấp điện cho khu vực mỏ sắt Tiên Bộ - Trại Cau.			
1	Đất ở và đất vườn cùng thửa đất ở			
-	282, 283, 257, 296	12	350.000	Địa giới hành chính xã Nam Hoà
		CLN	152.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
		Vị trí I		
-	1202, 986	13	350.000	Địa giới hành chính xã Nam Hoà
		CLN	152.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
		Vị trí I		
-	509, 510, 1770	23	350.000	Địa giới hành chính xã Nam Hoà
		CLN	152.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
		Vị trí I		
-	2365, 42	14	400.000	Địa giới hành chính xã Linh Sơn
		CLN	177.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
		Vị trí I		
-	2083, 2094, 2095, 2115, 386, 2102, 1930	15	400.000	Địa giới hành chính xã Linh Sơn
		CLN	177.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
		Vị trí I		
-	1937	15	400.000	Địa giới hành chính xã Linh Sơn
		CLN	177.000	Đất vườn cùng thửa đất ở
		Vị trí I		
2	Đất nông nghiệp không cùng thửa đất ở			
-		LUA	58.000	
-		CLN	46.000	
-		HNK	49.000	
-		RSSX	13.000	

